| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4- BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 28-07-2025
*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH**

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Huân.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Hữu Huân
2. Ông Nguyễn Văn Chấn

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên toà:*** Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2025; Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 10/TB-TA ngày 29 tháng 04 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 05 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 24/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh;

Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Tuân, sinh năm 1981 (theo Giấy ủy quyền lập ngày 02/04/2024).

Địa chỉ: Phòng 14A2CT1, Chung cư GreenCity, phường A, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là Phòng 14A2CT1, Chung cư GreenCity, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Trần Lệ Hường, Luật sư Nguyễn Thị M- Công ty Luật TNHH 2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. Nay là tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Số 344 K, phường Hoàng Văn Thụ, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là số 344 K, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh; có măt.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh; đều vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã X do, ông Tạ Văn V- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đại diện theo pháp luật. (Trước đây do ông Nguyễn Văn Q- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đại diện theo pháp luật); vắng mặt
- Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam do ông Đặng Văn NHn- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam đại diện theo pháp luật- Ủy quyền cho ông Đào Quang D- Cán bộ Phòng Tài nguyên và môi trường, theo văn bản ủy quyền ngày 21/03/2025.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam- Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Bắc Ninh do ông Tạ Văn V- Chủ tịch ủy ban nhân dân xã đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Nguyễn Văn Tuân, cùng người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Q là bà Trần Thị Hường, bà Nguyễn Thị M trình bày: Gia đình ông (Nguyễn Văn Q) được NH nước giao cho 789m² đất, trong đó có 360m² đất ở, 429m² đất vườn, tại thôn Đ, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh). Diện tích đất này đã được NH nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số S086182, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00739.QSDĐ/QĐSỐ 5112QĐ-UB (H) ngày 10/10/2000. Nguồn gốc đất là năm 1998, sau khi lấy vợ, bố ông là cụ Nguyễn Văn Sến cho. Quá trình sử dụng, gia đình ông có xây 01 ngôi nH cấp 4, công trình phụ và trồng một số loại cây ăn quả, cây lấy gỗ. Sau đó do công trình xuống cấp, đường xá đi lại khó khăn, con cái đi học xa, năm 2010 gia đình ông chuyển vào trong làng cách đó khoảng 05km để sinh sống. Từ khi chuyển đi đến nay, thửa đất vẫn do gia đình ông quản lý, sử dụng. Ngày 19/11/2023, lợi dụng gia

đình ông không có mặt tại thửa đất, vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y đã tự ý san đất, chặt cây cối trên đất, gồm 03 cây sung, 09 cây xoan để trồng cây. Hnh vi của vợ ông S là trái pháp luật. Vì vậy, ông yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y phải chấm dứt Hnh vi chiếm đất, trả lại gia đình ông 467m² đất (kết quả đo đạc thực tế là 659,6m²) và bồi thường thiệt hại về tài sản (cây cối) trên đất, với số tiền là 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Năm 1976 sau khi ông đi bộ đội về, chính quyền thôn Vũ Trù Trại (nay gọi là Đ), do ông Nguyễn Văn Bảnh làm Bí thư chi bộ, thời điểm này chưa có trưởng thôn, chỉ có đội trưởng, đội phó, nhưng ông không nhớ ai là đội trưởng, ai là đội phó. Do ông thờ cúng anh trai là Liệt sỹ Nguyễn Văn Bằng, nên thôn có giao cho ông thửa đất có diện tích 569,6m². Thửa đất này có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất nH ông Trần Văn Bảo, theo kết quả đo đạc thì giáp đất nH anh Nguyễn Văn Q. Ông không biết tại sao đất nH ông lại giáp đất nH anh Q, anh Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giáp đất nH ông khi nào ông không biết; Phía Tây giáp đường đi, một phần giáp mương nước; Phía Nam giáp mương nước; Phía Đông giáp đất nH ông Nguyễn Văn Nhự. Do khu vực này thường xuyên bị lũ lụt, năm 1979 gia đình ông, ông Nhự, ông Bảo, cùng một số gia đình khác đã chuyển lên rừng ở cùng thôn, cách đó khoảng 05km để sinh sống.

Do đất bị ngập sâu nên sau khi được chính quyền giao đất, ông đã thuê người gánh đất để tôn cao thửa đất. Thời gian quá lâu nên phải đổ bao nhiêu khối đất ông không nhớ. Thửa đất cách chỗ ông ở khá xa, hẻo lánh nên ông không trồng trọt hoa mầu, cây cối gì, nhưng ông vẫn đi lại thăm nom thường xuyên. Tháng 08/2023, vợ chồng ông ra trồng cây bạch đàn. Khoảng tháng 10, tháng 11/2023, anh Nguyễn Văn Q gặp vợ chồng ông yêu cầu trả lại diện tích đất trên, vì anh Q cho rằng vợ chồng ông đang sử dụng đất của anh đã được NH nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời anh Q yêu cầu ông phải bồi thường tiền cây trên đất. Vợ chồng ông không nhất trí, vì đất đó có nguồn gốc của gia đình ông được chính quyền thôn giao từ năm 1976, các cây trên đất khi (năm 2023) vợ chồng ông ra trồng cây bạch đàn chỉ có 01 cây sung, 09 cây xoan, bán kính ông không rõ. Đây đều là những cây tự mọc, còn mọc từ thời gian cụ thể nào ông không nhớ. Năm 2023, để lấy đất trồng bạch đàn, vợ chồng ông đã ra cưa cây sung, 01 cây xoan, còn 08 cây xoan do anh Q tự chặt, tự thu dọn và bán cho ai, ông không biết. Sau đó anh Q gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã yêu cầu giải quyết, nhưng không giải quyết được, anh Q đã rút đơn. Tháng 07/2024, do có trận bão to nên V bộ cây bạch đàn đã bị chết. Sau đó vợ chồng ông lại mua bạch đàn về trồng lại như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/03/2025 do Tòa án tiến Hnh. Diện tích đất trên đến nay, gia đình ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ khi sử dụng đất đến nay ông chưa đến cơ quan NH nước có thẩm quyền để yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài lời khai ra, ông không có tài

liệu chứng cứ nào để chứng minh diện tích đất trên là của ông, ông đề nghị Tòa án tiến Hnh điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Tại biên bản lây lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y nhất trí với ý kiến của chồng bà là bị đơn ông Nguyễn Văn S.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B là vợ ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị H là con ông Nguyễn Văn Q nhất trí với lời khai của ông Q.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã X; Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam nay do Ủy ban nhân dân xã X kế thừa quyền và nghĩa vụ, do ông Tạ Văn V- Chủ tịch Ủy ban nhân xã X đại diện theo pháp luật nhất trí với ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã, đại diện Ủy ban nhân dân huyện trước đây, cụ thể: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Q năm 2010 là đúng trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, phần diện tích đất các bên đang tranh chấp, nhất trí với ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã trước đây, không nằm trong tổng diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Q. Diện tích đất các bên đang tranh chấp do ở vùng hẻo lánh, ít người qua lại, thường xuyên bị ngập úng, nên khoảng từ năm 1979, đa số các hộ gia đình đang sinh sống tại đó đã chuyển lên rừng (vẫn thuộc thôn Đ), cách đó khoảng 05km để sinh sống, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn S. Còn hộ gia đình cụ Sến là bố ông Nguyễn Văn Q đã cho ông Q diện tích đất mà ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2010 thì gia đình ông Q cũng chuyển vào làng sinh sống. Đa số diện tích đất các hộ dân đã chuyển đi đều bỏ hoang, ít canh tác. Năm 2023, gia đình ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn Q xảy ra tranh chấp, chính quyền địa B có cử người xuống thực địa, nhưng không lập biên bản gì. Ủy ban nhân dân xã đã nhiều lần hòa giải giữa các bên nhưng không tHnh. Ủy ban nhân dân xã X đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến Hnh tống các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L (con ông S, bà Y) nhưng chị Liên không đến trụ sở Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến Hnh tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp Hnh đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác V bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu 6.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị H, Ủy ban nhân dân xã X (có đơn xin xét xử vắng mặt) vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất, quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là xã X, tỉnh Bắc Ninh). Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ngày 10/10/2000, hộ ông Nguyễn Văn Q được nH nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích 789m², trong đó có 360m² đất ở, 429m² đất vườn, tại thôn Đ, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Nay là thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh). Nguồn gốc thửa đất của bố đẻ ông Q là cụ Nguyễn Văn Sến cho. Năm 2010, hộ gia đình ông Q chuyển vào làng sinh sống. Trên đất không có công trình gì, chỉ còn móng nH xây dựng từ những năm 1990, đã xuống cấp. Năm 2023, khi thấy vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y chặt cây, san lấp tại diện tích 569,6m² đất liền kề, ông Q đã yêu cầu vợ chồng ông S phải chấm dứt Hnh vi và trả lại đất cho ông. Ông S, bà Y không nhất trí. Ông Q đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã yêu cầu giải quyết vụ việc. Ủy ban nhân dân xã đã nhiều lần mời các bên đến làm việc, hòa giải nhưng không tHnh.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xác định diện tích đất (569,6m²) đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ anh Nguyễn Văn Q; nguồn gốc đất là do bố đẻ ông Q cho; ông Q đã sử dụng ổn định, lâu dài. Tại biên bản làm việc trước đây, ông Nguyễn Thanh Cường- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q; gia đình ông Q không sử dụng đất từ năm 1979 và chưa được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất; ông S, bà Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh diện tích đất và tài sản trên đất đang tranh chấp của ông S, bà Y; diện tích đất tăng lên là do ông Q mở rộng thêm diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và do trước đây đo bằng thủ công nên có sự sai số, còn các hướng tiếp giáp, vị trí các cạnh của thửa đất vẫn như trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các tài sản trên đất gồm có 03 cây sung, 09 cây xoan do gia đình ông Q trồng, bị vợ chồng ông Nguyễn Văn Y tự ý ra chặt. Trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận V bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y phải chấm dứt Hnh vi chiếm đất và trả lại hộ ông Nguyễn Văn Q 569,6m² đất; buộc ông S, bà Y phải bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất, gồm 03 cây sung, 09 cây xoan, trị giá 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

[2.2] Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định và đo đạc tại chỗ, diện tích đất nH ông Nguyễn Văn Q đang quản lý, sử dụng thực tế từ các điểm 1,2,3,4,5,6, 10,11,12,13,14 có tổng diện tích là 1.112,3m². Như vậy, so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất nH ông Q dôi dư (1.112,3m²- 789m²) là 323,3m². Tổng diện tích đất hộ ông Q đang sử dụng, cộng với diện tích đất đang tranh chấp (1.112,3m² + 659,6m²) là 1.771,9m².

Theo cự ly các cạnh có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Q, dựng lại bằng máy tính thì diện tích đất của ông hộ gia đình ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.091,9m². Như vậy, diện tích đất của hộ ông Q đang quản lý, sử dụng thực tế với diện tích của cự ly các cạnh (hình thửa đất) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gần tương ứng với nhau. Có sự không trùng khớp về diện tích là do sai số, quá trình đo đạc trước đây bằng thủ công.

Do đó, có cơ sở xác định diện tích 659,6m² đất các bên đang có tranh chấp nằm ngoài diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Q. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của Ủy ban nhân dân xã X.

[2.3] Theo lời khai của Ủy ban nhân dân xã Vũ Xá (nay là xã X), biên bản xác minh đối với một số hộ dân trước đây sinh sống xung quanh khu vực đất đang có tranh, xác định ông Nguyễn Văn S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước đây hộ ông Nguyễn Văn S có sinh sống ở đó. Do đây là khu vực hẻo lánh, ít người qua lại, Hng năm thường xuyên bị ngập úng, việc sản xuất, sinh hoạt rất khó khăn, nên năm 1979 hộ ông Nguyễn Văn S đã cùng với một số hộ dân khác đã chuyển đi chỗ khác (vẫn cùng thôn), cách đó khoảng 5km sinh sống, thỉnh thoảng mới qua lại thăm nom. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q cũng chuyển đi chỗ khác sinh sống từ năm 2010.

[2.4] Lời khai của các bên có một số mâu thuẫn, trong đó có việc cây cối trên diện tích đất đang tranh chấp do ai trồng, trồng thời điểm nào, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Tòa án đã đối chất, các bên vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không bên nào đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q là không có căn cứ, nên không chấp nhận V bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y phải chấm dứt Hnh vi sử dụng và trả lại diện tích 467m² (diện tích đo thực tế 659,6m²) đất, tại thôn Đ, xã X, nằm trong diện tích thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất SốS 08618, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00739.QSDĐ/QĐSỐ 512QĐ-UB(H) ngày 10/10/2000, mang tên hộ ông Nguyễn Văn Q; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y phải bồi thường thiệt hại về 03 cây sung, 09 cây xoan đã bị chặt, trị giá 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q không được chấp nhận, căn cứ vào Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn Q phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận số tiền trên ông Q đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q về việc buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y phải trả lại 659,6m² đất không được chấp nhận, nên ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng; yêu cầu của ông Q về việc buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y phải bồi thường về tài sản trị giá 2.430.000đồng (dưới 6.000.000 đồng) nên ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Trừ vào số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn Q đã nộp tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi Hnh án dân sự khu vực 4- Bắc Ninh) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008406 ngày 01 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn Văn Q còn phải chịu 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 158, Điều 160, Điều 163 của Bộ luật dân sự; Điều 179, Điều 203 của Luật đất đai; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y phải chấm dứt Hnh vi sử dụng (chiếm giữ) và trả lại diện tích 659,6m² đất, tại thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh. (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y bồi thường thiệt hại về tài sản, gồm 03 cây sung, 09 cây xoan đã bị chặt, trị giá 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận số tiền trên ông Q đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn Q đã nộp tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi Hnh án dân sự khu vực 4- Bắc Ninh) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008406 ngày 01 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn Văn Q còn phải chịu 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh;
- Thi Hnh án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Huân**